

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-PT
Ngày: 29 - 6 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha.

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố V2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thanh D, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố V2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Bà Đ và bà D là bạn bè chơi thân với nhau nên khi bà D khó khăn thì thường qua bà Đ mượn tiền, có khi vài trăm có khi vài triệu nhiều lần như thế nên tổng số tiền bà D mượn bà Đ gần 20.000.000 đồng. Bà D không có khả năng trả nên bà Đ kêu bà D chơi hội do bà Đ làm chủ hội để khi hết hội thì lấy tiền đó trả tiền thiếu cho bà Đ. Như đã thỏa thuận bà D tham gia 4 dây hội năm 2011 do bà Đ làm chủ hội. Sau khi lĩnh hội bà D có nhận của bà Đ 04 lần tiền hội tính đến ngày 06 tháng 01 năm 2012, tổng số tiền bà D nhận là 35.320.000 đồng bằng với số tiền bà D thiếu của bà Đ nên hai bà đã thỏa thuận khấu trừ hết số tiền thiếu. Nhận tiền hội xong bà D không góp tiền hội chết lại cho bà Đ để bà giao cho những người kế tiếp nên bà D kêu bà Đ đi hỏi vay tiền giùm để góp xoay vòng cho những người kế tiếp, bà D sẽ chịu tiền lãi cho bà Đ. Từ ngày 06 tháng 01 năm 2012 bà D không trả vốn hay đóng lãi gì cho bà Đ, nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả cho bà số tiền vốn là 35.320.000 đồng và 31.788.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/01/2012 đến ngày xét xử.

Bà Đ xác định từ năm 2012 đến trước ngày khởi kiện vì thấy hoàn cảnh bà D khó khăn nên bà không yêu cầu bà D trả số tiền trên, nay bà D có điều kiện nên bà yêu cầu bà D phải trả số tiền còn thiếu cho bà và bà xác định số tiền 35.320.000 đồng là số tiền vay vốn gốc bà đã bỏ ra trả nợ cho bà D nên bà yêu cầu bà D phải trả lại cho bà số tiền trên.

**** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thanh D trình bày:***

Bà D xác định vào năm 2011 bà có thiếu bà Đ số tiền 35.320.000 đồng tiền vay, sau đó thỏa thuận bà trả góp cho bà Đ số trên và bà đã trả xong cho bà Đ từ năm 2013 với số tiền 35.320.000 đồng. Từ đó đến nay bà Đ không yêu cầu và không có ý kiến về số tiền trên, nay bà Đ yêu cầu bà D trả số nợ còn thiếu 35.320.000 đồng thì bà D không đồng ý. Bà D yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vì từ năm 2013 đến nay nếu bà D còn thiếu nợ bà Đ nhưng bà Đ không khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Bà D xác định bà đã trả số nợ 35.320.000 đồng cho bà Đ xong. Việc trả tiền thì bà D giao tiền trực tiếp cho bà Đ và ông Phương, bà Đ và ông Phương không làm biên nhận hay giấy tờ gì nên không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp chứng minh việc đã trả tiền cho bà Đ.

**** NLQ1 trình bày:***

Ông xác định vào năm 2012 - 2013 bà D có thiếu tiền của vợ ông là bà Đ nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không biết; bà Đ yêu cầu bà D trả số tiền thiếu nhưng bà D không trả.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” đối với bị đơn bà Đỗ Thanh D.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay vốn gốc 35.320.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ đối với số tiền 31.788.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

*** Ngày 16 tháng 3 năm 2021, bị đơn bà Đỗ Thanh D kháng cáo với nội dung:** Bà không nợ bà Đ số tiền 35.320.000 đồng; yêu cầu được đối chất với NLQ1 là chồng bà Đ gì NLQ1 chứng kiến việc vay tiền giữa bà với bà Đ và NLQ1 là người hứa cho tôi số tiền lãi mà bà còn nợ; làm rõ việc bà Đ làm đơn yêu cầu bà trả nợ tại Sở giao thông vận tại số tiền 26.000.000 đồng, nhưng lại kiện bà số tiền 35.320.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn bà Đỗ Thanh D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 có đơn xin vắng mặt.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thanh D, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thanh D cho rằng bà D không nợ bà Đ số tiền 35.320.000 đồng; yêu cầu được đối chất với NLQ1 là bà Đ và NLQ1 là người hứa cho bà D số tiền lãi mà bà D còn nợ; làm rõ việc bà Đ làm đơn yêu cầu bà

D trả nợ tại Sở giao thông vận tại số tiền 26.000.000 đồng, nhưng lại kiện bà D số tiền 35.320.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nội dung vụ án, nguyên đơn bà Đ và bị đơn bà D đều thống nhất vào năm 2012 bà D còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 35.320.000 đồng. Nguyên đơn bà Đ xác định bà D còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 35.320.000 đồng từ năm 2013 đến nay không trả. Bị đơn bà D xác định đã trả xong số tiền vay 35.320.000 đồng cho bà Đ từ năm 2013 và nếu bà còn thiếu tiền sao từ năm 2013 đến nay bà Đ không kiện, bà yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà Đ.

Cấp sơ thẩm nhận định, bà Đ xác định năm 2012 bà D thiếu bà Đ số tiền 35.320.000 đồng, bà D thừa nhận có thiếu nhưng xác định đã trả xong cho bà Đ vào năm 2013, bà Đ không thừa nhận việc bà D trả số tiền trên, nhưng bà D xác định không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bà D đã trả cho bà Đ số tiền trên. Xét giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn bà Đ với bị đơn bà D là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bà D đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, bà Đ xác định bà D còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 35.320.000 đồng từ năm 2013 đến nay không trả nhưng trong thời gian từ năm 2013 đến trước thời điểm khởi kiện tháng 6 năm 2020 là hết thời hiệu khởi kiện, cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu về số tiền lãi là 31.788.000 đồng và căn cứ Điều 166 (*Quy định về đòi tài sản*) và Điều 280 (*Quy định về nghĩa vụ trả tiền*) của Bộ luật dân sự buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay vốn gốc 35.320.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thanh D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.766.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 794.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009819 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thanh D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 166, Điều 280, Điều 429, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” đối với bị đơn bà Đỗ Thanh D.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay vốn gốc 35.320.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ đối với số tiền 31.788.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.766.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 794.000 đồng (bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009819 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, Kiên Giang.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004025 ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo